

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/DS-ST

Ngày: 29-9-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mên

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khaiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Khaiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công Khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thành M, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Thành M: ông Nguyễn Thành Đ – Luật gia, thuộc Hội Luật gia tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Khaim T: Ông Đặng Thành M là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/7/2023). (có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi Kiến, bản tự Khai cùng ngày 26/4/2023 và các lời Khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Thành M trình bày: Vào ngày 01/4/2023 ông (bên bán) và chị Nguyễn Thị Hồng K (bên mua) có hợp đồng mua bán cam trái, số lượng mua cam hết vườn, vườn cam của ông diện tích 5386,1m²; vị trí vườn thuộc ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, và 3787,2m², vị trí vườn thuộc ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long hai bên thỏa thuận cuối đợt hái cam ông phao 02 tấn cam, giá mua bán cam 6.500đồng/kg, Chị Nguyễn Thị Hồng K có đặc cọc 20.000.000đồng, thỏa thuận cắt cam, trả tiền trong ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 06/4/2023 chị K bắt đầu cắt cam, cắt được 7.729kg tính thành tiền 50.238.000đồng, chị K trả được 50.000.000đồng, còn nợ 238.000đồng, đối với số tiền nợ cam đợt này không yêu cầu chị K trả 238.000đồng.

Ngày 07/4/2023 chị K cắt được 8.550kg thành tiền 55.575.000đồng, chị K trả được 55.575.000đồng.

Ngày 08/4/2023 chị K cắt được 6.081kg, thành tiền 39.526.000đồng, chị K trả được 36.526.000đồng và nợ lại 3.000.000đồng.

Ngày 09/4/2023 chị K cắt được 5.260kg, thành tiền 34.190.000đồng cộng 3.000.000đồng nợ ngày 08/4/2023 là 37.190.000đồng, chị K trả được 35.190.000đồng và nợ lại 2.000.000đồng.

Ngày 10/4/2023 chị K cắt được 6.375kg, thành tiền 41.437.000đồng cộng 2.000.000đồng nợ ngày 09/4/2023 là 43.437.000đồng, chị K còn nợ 43.437.000đồng chưa trả.

Ngày 11/4/2023 chị K cắt được 2.660kg, thành tiền 17.290.000đồng cộng 43.437.000đồng nợ ngày 10/4/2023 chị K còn nợ 60.727.000 chưa trả.

Ngày 12/4/2023 chị K cắt được 4.200kg, thành tiền 27.300.000đồng chị K trả đủ tiền cắt cam ngày 12/4/2023.

Ngày 13/4/2023 chị K cắt được 10.010kg, thành tiền 65.065.000đồng cộng 60.727.000đồng nợ ngày 11/4/2023 chị K còn nợ 125.792.000đồng chưa trả.

Ngày 14/4/2023 chị K cắt được 7.595kg, thành tiền 49.367.000đồng, chị K trả được 40.367.000đồng, nợ lại tính tròn 9.000.000đồng cộng nợ ngày 13/4/2023 là 125.792.000đồng, chị K còn nợ đến ngày 14/4/2023 tổng cộng 134.792.000đồng.

Ngày 15/4/2023 chị K cắt được 4.375kg, thành tiền 28.437.000đồng, chị

K chưa thanh toán tiền, tôi giảm cho chị K 10.000.000đồng và phao 02 tấn cam tương đương 13.000.000đồng, còn lại 5.437.000đồng cộng 134.792.000đồng nợ cộng ngày 14/4/2023 bằng 140.229.000đồng nhưng tính tròn 140.000.000đồng.

Sau khi tính toán xong chị K chở cam đi hứa chiều ngày 15/4/2023 trả tiền cam còn nợ 90.000.000đồng, ngày 16/4/2023 trả 50.000.000đồng có viết biên nhận, chị K có ký tên vào biên nhận nhưng sau đó chị K không thanh toán tiền nợ cam.

Nay ông khởi Kiến yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng K có nghĩa vụ trả cho tôi tiền nợ cam 140.000.000đồng trừ tiền cọc 20.000.000đồng, còn lại 120.000.000đồng, lãi suất tính từ ngày 16/4/2023 đối với số nợ 120.000.000đồng, theo lãi suất 0,83%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự Khai ngày 27/7/2023 và các lời Khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khaim T trình bày: bà và ông M có phần đất diện tích 5386,1m²; vị trí vườn thuộc ấp Vĩnh Tiên, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, và 3787,2m², vị trí vườn thuộc ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, ông M có trồng cam và hợp đồng mua bán cam trái cho chị Nguyễn Thị Hồng K, nay bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án, để ông M toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý đơn của ông M, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp Khai thẩm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị K không trả lời ý Khaiئن bằng văn bản về nội dung khởi Kiến của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật gia Nguyễn Thành Đ trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi Kiến của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ cam 120.000.000đồng, lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/4/2023 cho đến ngày 16/9/2023 là 4.980.000đồng.

Nguyên đơn thống nhất như ý Khaiئن của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có ý Khaiئن trình bày bổ sung.

Bị đơn vắng mặt.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thành M.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng K có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Thành M số tiền 124.980.000đồng

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng K nộp 6.249.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đặng Thành M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng K, địa chỉ ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại tiền mua bán cam. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng K vắng mặt nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời Khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung: Vào ngày 01/4/2023 ông M (bên bán) và chị Nguyễn Thị Hồng K (bên mua) có hợp đồng mua bán cam trái, số lượng mua cam hết vườn, vườn cam của ông diện tích 5386,1m²; vị trí vườn thuộc ấp Vĩnh Tiến, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, và 3787,2m², vị trí vườn thuộc ấp Vĩnh Sơn, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long hai bên thỏa thuận cuối đợt hái cam ông phao 02 tấn cam, giá mua bán cam 6.500đồng/kg, Chị Nguyễn Thị Hồng K có đặc cọc 20.000.000đồng, thỏa thuận cắt cam, trả tiền trong ngày. Xét lời trình bày ông M phù hợp với lời Khai người làm chứng là chị K có hợp đồng mua bán cam trái với ông M, chị K có đến vườn cắt cam do vậy việc mua bán cam giữa ông M và chị K là sự việc có xảy ra. Sau khi tính toán xong chị K chở cam đi hứa chiều ngày 15/4/2023 trả tiền cam còn nợ 90.000.000đồng, ngày 16/4/2023 trả 50.000.000đồng có viết biên nhận, chị K có ký tên vào biên nhận

còn nợ tiền cam, mặc khác Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc Kiện của ông M cho chị K nhưng chị K không trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Từ đó, xét thấy sự việc mua bán cam này là có thật nên buộc chị K có nghĩa vụ trả nợ cho ông M số tiền 120.000.000đồng, lãi suất tính từ ngày 16/4/2023 đến ngày 16/9/2023, theo lãi suất 0,83%/tháng bằng 4.980.000đồng là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 430, 434, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng K nộp toàn bộ án phí là 124.980.000đồng x 5% bằng 6.249.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Khai thẩm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 434, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi Kiện của nguyên đơn ông Đặng Thành M.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng K có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Thành M số tiền mua bán cam còn nợ 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi 4.980.000đ (Bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn, lãi 124.980.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng K có nghĩa vụ nộp 6.249.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Trà Ôn;
- Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Thạch Thị Tuyên